

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SẦM SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhung;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Viết Mai;

Ông Chu Ngọc Trọng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hà M - sinh năm: 1996; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ dân phố N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm: 1993; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Hà M trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Hữu T tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2015. Sau khi cưới nhau về vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị tha thiết đề nghị được ly hôn anh T.

*Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh V sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Huyền N sinh ngày 04/11/2014. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao chị nuôi cả 02 cháu vì hiện cả 02 cháu đang ở với chị, chị có thu nhập cao, ổn định và được ông bà ngoại hỗ trợ trong việc nuôi dạy các cháu. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu T:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T nhưng anh T không đến làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị Hà M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Phạm Thị Hà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị M.

[2] *Về nội dung:*

*Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Hà M và anh Nguyễn Hữu T đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cả chị và anh không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M khai, chị và anh T chung sống với nhau không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: nguyên nhân mâu thuẫn của anh, chị như thế nào địa phương không nắm rõ, chỉ biết hiện nay chị M cùng các con đã về nhà ngoại ở, anh T đi làm và vẫn có mặt tại địa phương. Anh Tuấn mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực trạng anh, chị không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp.

*Về con chung:* Chị M, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh V sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Huyền N sinh ngày 04/11/2014. Ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy hiện nay cháu V, cháu N đang ở cùng chị M và các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Chị M có công việc, có thu nhập ổn định và được sự hỗ trợ của ông bà ngoại trong việc nuôi dạy các cháu. Ngoài ra, khi giải quyết vụ án anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị M, nên cần giao cháu V, cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị Phạm Thị Hà M được trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù Tòa án đã giải thích cho chị M việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung và khẳng định có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng các con, việc chị không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Về tài sản, công nợ chung:* Chị Phạm Thị Hà M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị M chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

*Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Hà M được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

*Về con chung:* Các cháu Nguyễn Khánh V sinh ngày 27/10/2012 và Nguyễn Huyền N sinh ngày 04/11/2014 là con chung của chị Phạm Thị Hà M và anh Nguyễn Hữu T. Giao chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, cháu N. Anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

*Về án phí:* Chị M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001240 ngày 02/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (chị M đã nộp đủ án phí).

Án xử công khai, chị Phạm Thị Hà M, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Sầm Sơn;
- Dương sự;
- Chi cục THA TPSS;
- UBND phường Trung Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hồng Nhung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Viết Mai      Chu Ngọc Trọng**

**Nguyễn Hồng Nhung**